

Bản án số: 58/2020/HS-ST
Ngày 03/11/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BẢN, TỈNH LÀO CAI.**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Triệu Vĩnh Thái.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Triệu Hữu Phẫu.

2. Ông Hồ Trọng Trung.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký toà án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2020/QĐXXST-HS ngày 22/10/2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H, sinh ngày 16/6/1986 tại huyện V, tỉnh Y.

Nơi cư trú: Thôn K, xã C, huyện V, tỉnh Y.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 4/12.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1962 (đã chết); con bà: Đoàn Thị H, sinh năm 1967.

Vợ: Triệu Thị H, sinh năm 1986 (đã ly hôn); bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2011. Hiện đều trú tại: xã C, huyện V, tỉnh Y.

Tiền án: 01 tiền án, ngày 30/11/2017 bị Tòa án huyện V, tỉnh Y xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2020 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. Phùng Văn H, sinh ngày 27/8/1998 tại huyện V, tỉnh Y.

Nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Y.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12.

Dân tộc: Phù Lá; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Phùng Xuân H, sinh năm 1979; con bà: Lương Thị L, sinh năm 1978. Hiện đều trú tại: Xã C, huyện V, tỉnh Y.

Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: 02 tiền án, ngày 05/4/2017 bị Tòa án huyện V, tỉnh Y xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138, điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60

Bộ luật hình sự; Ngày 04/5/2018 bị Tòa án huyện V, tỉnh Y xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56; khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt 01 năm tù và tổng hợp hình phạt 09 tháng tù tại bản án số 19 ngày 05/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Y.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2020 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Bị hại: Ông Đỗ Văn S, sinh năm 1972 - Vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ 17A, phố Đ, phường T, thành phố V, tỉnh P.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Y - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 25/8/2020 Nguyễn Văn H gọi điện rủ Phùng Văn H lên nút giao IC16 thuộc xã T, huyện V chơi, H đồng ý và mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX không có BKS của anh Đặng Văn S - sinh năm 1999 trú tại thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Y, để đi lên chỗ H1. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày H điều khiển xe chở H1 đi lên đường cao tốc N - L để về nhà ở xã C. Khi đi đến Km 197+997 thuộc thôn N, xã T, huyện V. H1 nhìn thấy ông Đỗ Văn S - sinh năm 1972 trú tại tổ 17A, phường C, TP. V, tỉnh P, đang đứng đợi xe, ông S có đặt 01 chiếc túi xách màu đen trên lan can phía sau lưng, nghĩ là túi có tiền nên H1 nảy sinh ý định lấy trộm chiếc túi trên, khi đi qua chỗ ông S đứng khoảng 50m H1 bảo H dừng xe và nói “Ông kia có cái túi đằng sau chắc có tiền đây lấy đi” Hoàng hỏi H1 là “Thế anh có dám lấy không” H1 trả lời “Không, và hỏi thế mà có dám lấy không” H nói “Có”. Sau đó H xuống xe chui qua hàng rào đi bộ về phía chỗ ông S đứng, còn H1 ở lại chờ tại vị trí dừng xe, quan sát thấy ông S không để ý H đã thò tay qua hàng rào lấy chiếc túi trên và bỏ đi, đi được khoảng 3-4m thì ông S phát hiện. H bỏ chạy về chỗ H1 rồi H1 điều khiển xe chạy theo đường cao tốc đến hầm dân sinh Km 190+210, thuộc địa phận thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Y, thì dừng lại khiêng xe qua hàng rào xuống đường dân sinh. Cả hai kiểm tra thì thấy trong túi có 01 chiếc điện thoại Nokia 1280 loại bàn phím, màu đen; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 106, màu đen và một số giấy tờ không có giá trị. H1 lấy 02 chiếc điện thoại rồi để chiếc túi và những đồ vật khác vào bụi cây gần đó. Sau đó H điều khiển xe chở H1 đến quán điện thoại của ông Đặng Văn Đ - sinh năm 1977, trú tại thôn N, xã C, huyện V, H1 bán 02 chiếc điện thoại trên với giá 200.000đ, khi mua ông Đ không biết đó là tài sản do H1 trộm cắp mà có, cả hai đã dùng số tiền đó tiêu sài cá nhân hết. Đến sáng ngày 26/8/2020 nhận thức được hành vi của bản thân H và H1 đã đến Công an xã C đầu thú và khai nhận về hành vi phạm tội.

Kết luận định giá tài sản số 21 ngày 27/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản theo tổ tụng huyện Văn Bàn, kết luận: 01 chiếc điện thoại Nokia 1280 loại bàn phím, màu đen trị giá 360.000đ; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 106, màu đen trị giá

180.000đ; 01 chiếc túi xách, nhãn hiệu Valuable do Việt Nam sản xuất, màu đen trị giá 189.000đ.

Tại bản cáo trạng số: 59/CT-VKS-VB ngày 16/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Văn Bàn quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn để xét xử các bị cáo Nguyễn Văn H, Phùng Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn đề nghị hội đồng xét xử:

* Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Phùng Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

* Về trách nhiệm hình sự:

- Hình phạt chính: + Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 07 tháng tù đến 08 tháng tù.

+ Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phùng Văn H từ 06 tháng tù đến 07 tháng tù.

- Hình phạt bổ sung: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo bị truy tố: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu khoảng 18 giờ ngày 25/8/2020 Nguyễn Văn H, Phùng Văn H đã trộm cắp 01 chiếc túi xách nhãn hiệu Valuable do Việt Nam sản xuất trị giá 189.000đ, bên trong có 01 điện thoại Nokia 1280 loại bàn phím trị giá 360.000đ, 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 106 trị giá 180.000đ của ông Đỗ Văn S. Tổng trị giá tài sản trộm cắp là 729.000đ. Ngoài ra ngày 30/11/2017 Nguyễn Văn H bị Tòa án huyện V, tỉnh Y xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự, ngày 16/9/2018 đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa thi hành xong khoản bồi thường dân sự cho người bị hại; Phùng Văn H ngày 05/4/2017 bị Tòa án huyện V, tỉnh Y xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138, điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự; Ngày 04/5/2018 tiếp tục bị Tòa án huyện V, tỉnh Y xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56; khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt 01 năm tù và tổng hợp hình phạt 09 tháng tù tại bản án số 19 ngày 05/4/2017, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/8/2019 nhưng chưa thi hành xong khoản bồi thường cho người bị hại.

Như vậy lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định ngày 25/8/2020, các bị cáo đã trộm cắp tài sản của người khác có tổng trị giá là 729.000đ (bảy trăm hai mươi chín nghìn đồng), mặc dù trị giá tài sản các bị cáo trộm cắp dưới 2.000.000đ nhưng các bị cáo đều đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” và chưa được xóa án tích. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Văn H, Phùng Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn trong đó: Bị cáo Nguyễn Văn H là người khởi xướng việc trộm cắp tài sản, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm chính. Bị cáo Phùng Văn H là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm đồng phạm với vai trò là người thực hành.

[3] Hội đồng xét xử đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo như sau: Hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Là người khỏe mạnh có bị cáo đã có gia đình nhưng bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân dẫn đến nghiện ma túy, lười lao động nên có hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác để có tiền tiêu sài. Các bị cáo đã từng trộm cắp tài sản của người khác và bị kết án nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục có hành vi phạm tội. Vì vậy cần phải xử lý bị cáo với một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để cải tạo giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[4] Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; sau khi có hành vi vi phạm pháp luật đã ra đầu thú. Các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng gì, gia đình bị cáo Nguyễn Văn H thuộc diện hộ nghèo của xã. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt tù cho các bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản các bị cáo trộm cắp cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho bị hại ông Đỗ Văn S, ông S không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường khoản gì về trách nhiệm dân sự nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí vụ án theo quy định pháp luật.

- Đối với ông Đặng Văn Đ đã bỏ số tiền 200.000đ ra để mua điện thoại nhưng không biết đây là tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có, ông Đ không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả số tiền này nên không đề cập giải quyết.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn vàng đen, Phùng Văn H mượn thuộc sở hữu của anh Đặng Văn S. Quá trình điều tra xác định anh S không biết H mượn xe để đi trộm cắp tài sản, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu nên không đề cập giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Phùng Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 08 (tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/8/2020 ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Phùng Văn H 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/8/2020 ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Phùng Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b, 7c và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh LC(01);
- VKSND tỉnh LC(01);
- VKSND huyện(01)
- Công an huyện(02);
- Bị cáo(02);
- Bị hại(01);
- Người có QLNVLQ(01);
- THAHS, THADS;
- Lưu HS, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Vĩnh Thái